



DONGNAI BUILDING MATERIALS & CONSTRUCTION
HUB (DONAC) - DONAC COMPANY

CÔNG TY CP TẤM LỢP - VLXD
ĐỒNG NAI



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI



Báo Cáo Thường Niên 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

SĐT: (84-251) 3 836 130

Số fax: (84-251) 3 836 023

Website: www.donac.net

Email: info@donac.net



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	07
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	39
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	75
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	93
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	123
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2019	145





THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức.

Định hướng phát triển

Rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
Tên giao dịch:	DONG NAI ROOFSHEET AND CONSTRUCTION MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu:	DCT
Vốn điều lệ:	272.236.470.000 đồng
Giấy CNĐKDN số:	Số 3600475018 (số cũ 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp
Địa chỉ:	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại:	(84-251) 3 836 130
Số fax:	(84-251) 3 836 023
Website:	www.donac.net
Email:	info@donac.net

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu xây dựng (VLXD) Đồng Nai là hãng Eternit của Pháp, được khởi công xây dựng từ năm 1964 đến 1966.

1966

Nhà nước tiếp quản cơ sở Eternit - Việt Nam và đổi tên thành nhà máy Amiăng xi măng Đồng Nai, trực thuộc liên hiệp các xí nghiệp gạch ngói và sành sứ xây dựng - Bộ xây dựng.

1977



Bộ Xây dựng có quyết định đổi tên Nhà máy Amiăng xi măng Đồng Nai thành Công ty Tấm lợp VLXD Đồng Nai trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

1993

Đầu tư dây chuyền sản xuất gạch bê tông công suất 1 triệu m² /năm và ngói màu công suất 2 triệu viên/năm.

2001

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 06 năm 2000 về việc chuyển Công ty Tấm lợp VLXD Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang Công ty cổ phần.

2000



Đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng.

1995



Cổ phiếu của công ty chính thức giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán: DCT

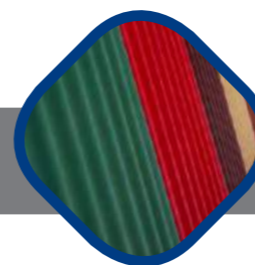
2006

Hoàn thành nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch với công suất 1 triệu tấn/năm.

2011

Công ty tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động ổn định, vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.

2019 đến nay



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm xi măng tấm lợp và xây lắp	2395 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm xi măng tấm lợp và xây lắp. Bán buôn clinker. Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.	4663
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng	4659
4	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất Clinker (không sản xuất tại trụ sở)	2394
5	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Mua bán nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.	3600
6	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư	4290
8	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường bộ.	4210
9	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi.	4220
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4933
11	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5022
12	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn xe ô tô	4511
13	Bán mô tô, xe máy	4541
14	Bốc xếp hàng hóa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5224

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
15	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5210
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5222
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hàng hải. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ lai dắt tàu biển. Dịch vụ logistics. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ vệ sinh tàu biển. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5229
19	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan. (đối với xăng dầu, không kinh doanh xăng dầu tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và phù hợp với quy hoạch của Tỉnh)	4661
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ xi mạ, không hoạt động tại trụ sở)	3312
21	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	3315
22	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe cẩu. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7710
23	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê xe nâng hàng (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7730

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

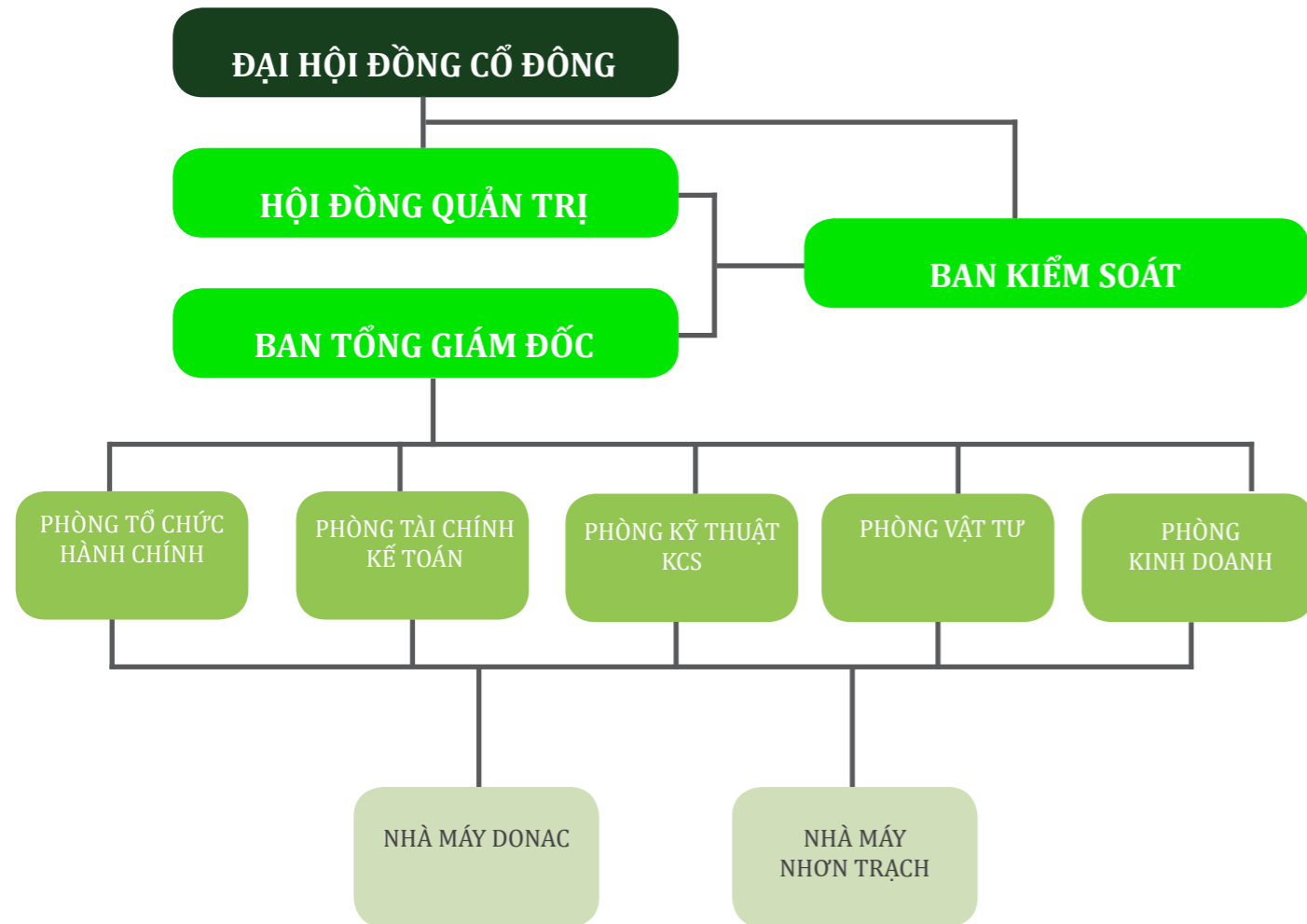
Địa bàn kinh doanh



- Với các sản phẩm hiện có như tấm lợp, xi măng, Công ty hiện chủ yếu phục vụ nhu cầu của các thị trường truyền thống như: Vùng duyên hải miền Trung, khu vực các tỉnh thành miền Đông và miền Tây Nam Bộ.
- Ngoài sản phẩm tấm lợp, sản phẩm xi măng đang ngày càng mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước (như xi măng xá cho các công trình xây dựng có quy mô lớn, công trình trọng điểm quốc gia)



Cơ cấu bộ máy quản lý



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Giá trị cốt lõi

- Đầu tư vào con người là đầu tư vào chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm;
- Lấy chữ tín đối với khách hàng và các bên liên quan làm phương châm hoạt động;
- Hợp tác cùng phát triển là môi trường và sức mạnh để tồn tại và cạnh tranh lành mạnh hướng vào thị trường và phát triển bền vững.



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách đẩy mạnh nghiên cứu cải tiến, phát triển và sản xuất nhiều loại sản phẩm đa dạng, phục vụ cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau và đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội và cộng đồng;
- Có kế hoạch sản xuất bám sát nhu cầu thị trường, tránh ứ đọng, tồn kho;
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, từng bước mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động;
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào các hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh, theo kịp xu hướng công nghệ 4.0.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Công ty thông qua các hoạt động tuyển dụng và đào tạo nhằm đáp ứng sự phát triển của Công ty;
- Xây dựng chiến lược thu mua, dự trữ nguyên vật liệu, thành phẩm hợp lý nhằm cắt giảm chi phí hoạt động, hướng đến mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh;
- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu tấm lợp DONAC bằng các biện pháp như tiến hành nghiên cứu thị trường nhằm thâm nhập vào các phân khúc, thị trường tiềm năng. Đồng thời, cải thiện công tác chăm sóc khách hàng để duy trì mối quan hệ với khách hàng cũ;
- Thường xuyên tiến hành phân tích các yếu tố tác động ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty như nhân tố về môi trường, kinh tế xã hội, khoa học, công nghệ, chính trị, pháp lý, thị trường, tài chính tiền tệ, tình hình hội nhập kinh tế thế giới.



Các mục tiêu phát triển bền vững

- **Chất lượng sản phẩm:** Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm ở từng công đoạn sản xuất, đảm bảo sản phẩm đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của thị trường.
- **Đối với người lao động:** Công ty luôn đặt ra mục tiêu từng bước nâng cao đời sống người lao động về vật chất và tinh thần, đảm bảo việc làm cho người lao động, những chế độ liên quan đến nhân sự để tạo nên đội ngũ nhân lực vững mạnh, phát huy được những giá trị cốt lõi của Công ty và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững lâu dài.

- **Đối với môi trường:** Công ty luôn cố gắng đảm bảo các quy định, quy chuẩn về xử lý chất thải nguy hại, tránh gây ô nhiễm môi trường sống của cộng đồng và hệ sinh thái xung quanh. Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên trong quá trình sản xuất. Trong quá trình làm việc, Công ty luôn xem xét đến các vấn đề môi trường như: sự tham gia của lãnh đạo và nhân viên trong quản lý môi trường, tính tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu luật pháp, vấn đề kiểm soát sử dụng nguồn năng lượng, kiểm soát nước và rác thải đầu ra, các đề tài sáng kiến tiết kiệm chi phí về môi trường, các sự cố môi trường tiềm ẩn... nhằm giúp nhân viên nhận thức tốt hơn và chính cán bộ công nhân viên là người đang góp phần tạo ra một tổ chức thân thiện với môi trường.
- **Đối với cộng đồng xã hội:** Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng về giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, minh bạch, đào tạo và phát triển nhân viên... góp phần phát triển doanh nghiệp và cộng đồng.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Năm 2019, Công ty Cổ phần Tấm lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai tiếp tục thực hiện quản lý rủi ro chủ động, gắn quản lý rủi ro vào mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày. Các rủi ro được nhận diện, đánh giá định kỳ và được báo cáo kịp thời đến Ban điều hành, Hội đồng quản trị bảo đảm việc kiểm soát những ảnh hưởng của rủi ro đến kết quả hoạt động kinh doanh, danh tiếng của Công ty. Dưới đây là các rủi ro trọng yếu tác động đến các lĩnh vực hoạt động của toàn Công ty.



Rủi ro kinh tế

Đặc thù của ngành vật liệu xây dựng là luôn gắn liền với sự phát triển của ngành bất động sản, các công trình xây dựng. Tuy nhiên hiện nay thị trường bất động sản trong gian đoạn khó khăn, có nhiều dự án tạm hoãn triển khai hay các công trình đang xây dựng phải tạm dừng trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư công vẫn gặp khó khăn trong hoạt động giải ngân. Sự trầm lắng của thị trường bất động sản đã kéo theo sụt giảm hàng loạt các ngành nghề liên quan, trong đó có ngành vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, tình trạng dư cung xi măng trong nước sẽ ngày càng nghiêm trọng hơn khi trong năm 2020 tiếp tục có một số dây chuyền sản xuất xi măng mới sẽ đi vào hoạt động. Tuy nhiên điều này sẽ được bù đắp bởi thị trường xuất khẩu khi Thái Lan cắt giảm nguồn cung. Đồng thời, Nghị định 125 quy định thuế xuất khẩu xi măng là 0% có hiệu lực từ tháng 1/2018 từ mức 5% cuối 2016 cũng góp phần hỗ trợ thị trường xi măng xuất khẩu trong thời gian tới.



Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất xi măng bao gồm: Đá vôi, đất sét, than, dầu, điện, clinker, thạch cao, bazan, cước vận tải,... Trong khi đó, giá cả một số nguyên liệu đầu vào này thường biến động bất thường ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Giá than năm 2019 tăng khoảng 4% so với năm 2018 do thiếu hụt nguồn cung còn giá điện tăng hơn 8% do chính sách tăng giá điện của Chính phủ.

Công ty đã chú trọng đầu tư phát triển công nghệ nhằm nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu. Mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất.



Rủi ro thời tiết

Vật liệu xây dựng là ngành chịu tác động rất lớn từ các yếu tố thời tiết môi trường. Bởi khi thời tiết diễn biến xấu, mưa bão nhiều sẽ khiến các công trình xây dựng ngưng trệ, chậm tiến độ sẽ kéo theo sự sụt giảm nhu cầu sử dụng vật liệu sử dụng. Biến đổi khí hậu những năm gần đây ngày càng bất thường. Đặc biệt, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu do có bờ biển dài. Năm 2019 được xem là một năm có yếu tố thuận lợi từ thời tiết khi hiện tượng mưa bão xảy ra với tần suất tương đối thấp so với các năm trước. Dù vậy, Công ty vẫn phải luôn chủ động trong công tác ứng phó với các trường hợp thời tiết cực đoan.



Rủi ro pháp luật

Bất cứ doanh nghiệp nào trong thị trường cũng chịu sự chi phối của Pháp luật Việt Nam. Là Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và đăng ký giao dịch chứng khoán nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Xuất nhập khẩu,... Các văn bản pháp luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Bất cứ một thay đổi nào trong các quy định trên đều sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty.

Ngoài ra, trong năm 2019 Chính phủ đã công bố dự thảo lộ trình dừng sử dụng amiăng trắng để chấm dứt sản xuất tấm lợp amiăng từ năm 2023 do các vấn đề liên quan tới sức khỏe con người. Điều này sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty nếu dự thảo được thông qua. Vì vậy, Công ty luôn phải trên tinh thần đề phòng rủi ro từ dự thảo này, chủ động chuyển đổi dần và đa dạng hóa các sản phẩm khác của Công ty.

Rủi ro thị trường

Theo báo cáo của Hiệp hội tấm lợp Việt Nam, sản lượng tiêu thụ tấm lợp fibro xi măng trong những năm gần đây đã giảm sút một cách nghiêm trọng. Bên cạnh sự tuyên truyền, tác động mạnh mẽ của các tổ chức kêu gọi dừng sử dụng amiăng trắng trong sản xuất tấm lợp thì lợi thế giá rẻ của tấm lợp fibro xi măng đã không còn mang tính cạnh tranh nữa, do sản phẩm tôn lợp trong nước ngày nay đã chiếm lĩnh thị trường với nhiều phân khúc giá rẻ. Hình thức, mẫu mã tấm fibro xi măng dường như không còn phù hợp với thị hiếu, thẩm mỹ của người tiêu dùng.

Mặt khác, thực tế chất lượng fibro xi măng ngày càng giảm sút do các doanh nghiệp tự giảm giá để cạnh tranh thị trường với nhau. Trong khi vấn đề dừng sử dụng amiăng trắng trong sản xuất tấm lợp chưa có hồi kết thì xu hướng các doanh nghiệp chuyển dịch cơ cấu kinh doanh đang diễn ra khá rõ nét. Các doanh nghiệp sản xuất tấm tôn đang chủ động chiếm lĩnh thị trường với nhiều cam kết hấp dẫn. Qua từng năm, cùng với việc mở rộng các khu công nghiệp và đô thị, hầu hết các công trình xây dựng nhà xưởng, các nhà cao tầng đều sử dụng tôn kẽm hoặc tôn mạ màu (chủ yếu là loại tôn dạng sóng vuông và sóng ngói) để lợp mái và tường bao che do đảm bảo độ bền cho sử dụng lâu dài (chống thấm, chống nóng), dễ sử dụng trong quá trình lắp đặt, thay thế và đảm bảo tính thẩm mỹ của công trình.

Vì vậy, việc nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu về chất lượng và mẫu mã nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm luôn là mục tiêu hàng đầu của Công ty trong giai đoạn khó khăn chung của thị trường.



Rủi ro khác

Bên cạnh các nhân tố rủi ro nói trên, Công ty xác định còn một số nhân tố rủi ro phi hệ thống như: hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh xảy ra trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra, nhưng nếu có sẽ để lại hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp và lâu dài đến hoạt động sản xuất. Công ty đã tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng lĩnh vực hoạt động và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình nhân sự

Cơ cấu cán bộ công nhân viên

Chính sách đối với người lao động

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

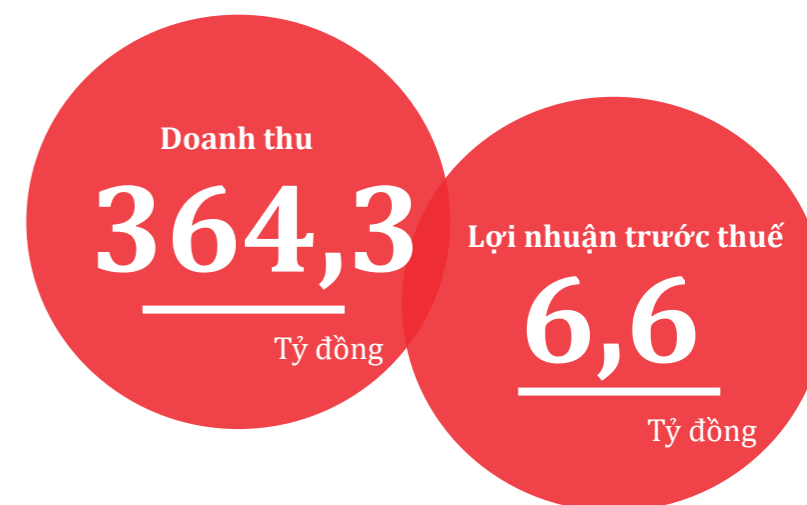
Tình hình sản xuất kinh doanh

Năm 2019 là một năm đầy thách thức và khó khăn đối với thị trường tiêu thụ tấm lợp fibro xi măng. Không thể đứng yên khi những cạnh tranh trong ngành Công nghiệp vật liệu lợp ngày càng trở nên khắc nghiệt, các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm fibro xi măng trong nước đã chuyển mình tiếp thu công nghệ hiện đại và sản xuất thành công các sản phẩm fibro xi măng màu đa dạng về mẫu mã, chủng loại trong đó có DONAC. Cụ thể kết quả kinh doanh Công ty đạt được như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	394.163	364.273
2	Lợi nhuận từ HĐKD	-2.730	6.158
3	Lợi nhuận từ khác	1.575	474
4	Lợi nhuận trước thuế	-1.156	6.633
5	Lợi nhuận sau thuế	-1.156	6.633
6	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	-42	244

Năm qua, nhờ vào sự nỗ lực và quyết tâm lớn của Ban lãnh đạo Công ty, doanh thu của Công ty nhìn chung đạt tương đương so với năm trước, đạt mức 364,3 tỷ đồng. Bên cạnh những nghiên cứu nhằm phát triển sản phẩm, đa dạng thị trường, Công ty đã cố gắng tiết giảm hầu hết các chi phí hoạt động như lãi vay, bán hàng, quản lý doanh nghiệp, điều đó đã giúp cho các chỉ số lợi nhuận của Công ty tăng so với năm trước. Kết quả, lợi nhuận trước thuế của Công ty là 6,6 tỷ đồng, đạt 473,79% so với mức lợi nhuận âm năm 2018.



Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Bá Thuỳ	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Thị Mai Thảo	Ủy viên HĐQT

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Nho	Trưởng BKS	
2	Phạm Đức Hùng	Thành viên BKS	
3	Lê Nguyễn Thùy Vân	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 27/04/2019

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Thân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2019
2	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/11/2019
3	Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 15/01/2019

Những thay đổi về nhân sự trong năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	15/01/2019	
2	Lê Nguyễn Thùy Vân	Thành viên BKS	27/04/2019	
3	Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc		27/04/2019
4	Lê Thân	Tổng Giám đốc	27/04/2019	
5	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	27/11/2019	



Sơ yếu lý lịch Ban điều hành Công ty



ÔNG NGUYỄN CÔNG LÝ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Quản trị kinh doanh



ÔNG NGUYỄN BÁ THUYỀN
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật



BÀ NGUYỄN THỊ MAI THẢO
Ủy viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật



ÔNG NGUYỄN VĂN NHO
Trưởng Ban Kiểm soát

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế



ÔNG PHẠM ĐỨC HÙNG
Kiểm soát viên

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Quản trị kinh doanh



BÀ LÊ NGUYỄN THÙY VÂN
Kiểm soát viên

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế



ÔNG LÊ THÂN

Tổng Giám đốc

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Kỹ sư



ÔNG NGUYỄN VĂN QUÝ

Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân



BÀ TRẦN THỊ MỘNG THU

Phó Giám đốc thường trực

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Quản trị kinh doanh



Cơ cấu cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ đại học, trên đại học	16	6,81%
2	Trình độ cao đẳng	6	2,55%
3	Trình độ trung cấp	20	8,51%
4	Công nhân kỹ thuật	11	4,68%
5	Lao động phổ thông	182	77,45%
II	Theo loại hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng không thời hạn	105	44,68%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	4	1,70%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	126	53,62%
III	Theo giới tính		
1	Nam	179	76,17%
2	Nữ	56	23,83%

Chính sách người lao động

Môi trường làm việc

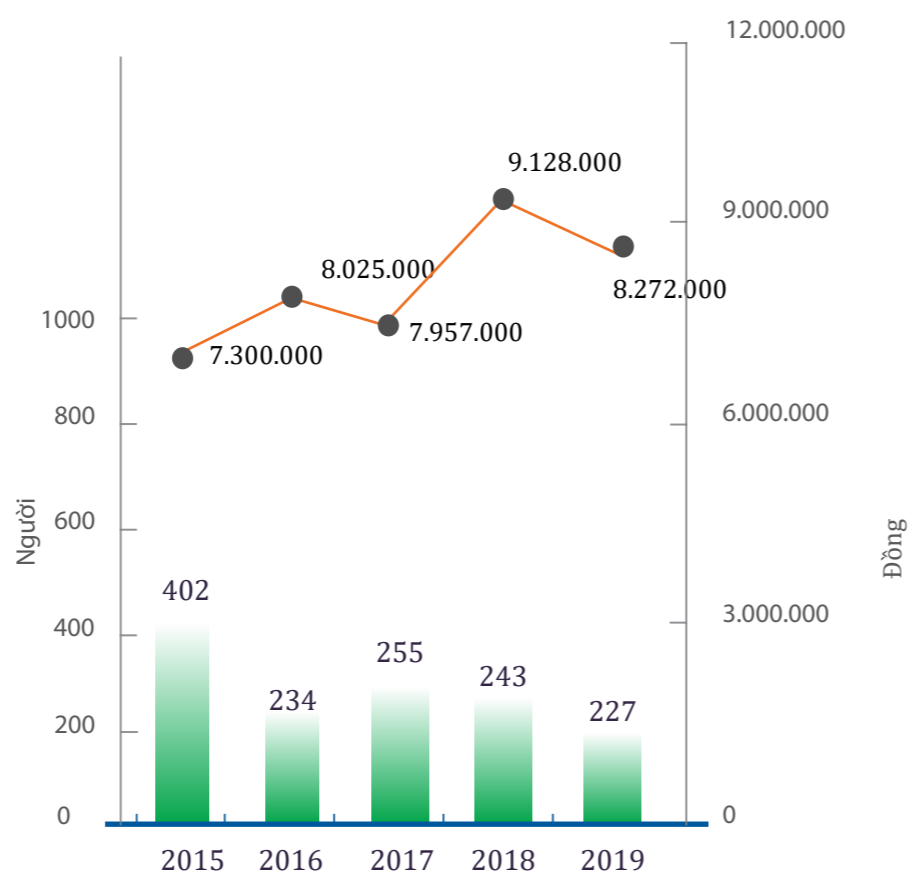
Nhằm tạo điều kiện tốt nhất phù hợp với đặc thù sản xuất để công nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn, năng suất lao động và khả năng sáng tạo, Công ty luôn cố gắng xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà mỗi một người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty.

Chính sách phúc lợi

Các chính sách phúc lợi của Công ty được người lao động đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, củng cố lòng trung thành, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của người lao động. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu, duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Cụ thể, các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động đều được thực hiện một cách đầy đủ.

YẾU TỐ CON NGƯỜI LUÔN ĐƯỢC XEM LÀ YẾU TỐ THEN CHỐT ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ THÀNH CÔNG CỦA CÔNG TY

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



Chính sách đào tạo

Công ty luôn tạo điều kiện để cho toàn thể cán bộ công nhân viên có cơ hội học hỏi, trau dồi kiến thức về chuyên môn, áp dụng những kiến thức thu được sau khóa học vào công việc để phát triển nghề nghiệp, nâng cao giá trị bản thân, thăng tiến trong tương lai cũng như phục vụ cho sự phát triển của Công ty. Bên cạnh các buổi đào tạo chuyên sâu cho công nhân viên, Công ty còn thành lập bộ phận đào tạo tại chỗ thường niên trong nhà máy. Các buổi đào tạo này ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng còn giúp tạo sự gắn kết và chia sẻ giữa các CB-CNV Công ty.

Chính sách thăng tiến

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực và lộ trình nghề nghiệp cụ thể cho từng vị trí chức danh với các tiêu chuẩn rõ ràng. Với lộ trình này, mỗi nhân viên đều biết mình đang ở nấc thang nào trong lộ trình nghề nghiệp và cần phải trang bị thêm những kiến thức và kỹ năng gì để phát triển chuyên môn, năng lực và để thăng tiến lên những vị trí cao hơn.

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp 10%

Danh mục	Vốn điều lệ	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Xi Măng Công Thanh	900.000.000.000	90.000.000.000	10%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,26	0,31
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,16	0,26
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	123,11%	120,87%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,85	9,37
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,55	0,50



Cơ cấu cổ phần

- Vốn điều lệ: 272.236.470.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 27.223.647 (cổ phiếu phổ thông),
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 27.223.647 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.
- Các chứng khoán khác: không có.

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông trong nước	2.107
1	Cổ đông nhà nước	1
2	Cổ đông tổ chức	18
3	Cổ đông cá nhân	2.088
II	Cổ đông nước ngoài	47
1	Cá nhân	43
2	Tổ chức	4
III	Cổ phiếu quỹ	-
Tổng cộng		2.154



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về tổ chức, chính sách và quản lý

Giải trình của BDH đối với ý kiến của kiểm toán viên

Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Thị trường bất động sản trong năm 2019 chững lại cùng với sự gia nhập của các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng khiến cho doanh thu trong năm của Công ty có phần sụt giảm. Tuy nhiên Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra nhiều giải pháp để cố gắng hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nỗ lực hết sức trên từng bước tiến của mình. Trong đó, Ban lãnh đạo đã tập trung chỉ đạo quyết liệt nhằm tăng năng suất lao động, nghiên cứu và phát triển mảng kinh doanh mới cụ thể là mảng gia công xi măng.

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng
Doanh thu bán tấm lợp	88.354	22,42%	80.234	22,03%
Doanh thu gia công xi măng	267.653	67,90%	254.331	69,82%
Doanh thu bán thành phẩm khác	36.511	9,26%	26.527	7,28%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.645	0,42%	3.181	0,87%
Tổng cộng	394.163	100,00%	364.273	100,00%

Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu gia công xi măng chiếm tỷ trọng cao nhất chiếm 69,82% cơ cấu doanh thu. Theo sau đó là doanh thu bán tấm lợp chiếm 22,03%. Cơ cấu doanh thu năm 2019 có sự dịch chuyển tăng doanh thu gia công, giảm doanh thu bán tấm lợp. Nguyên nhân do tình hình khó khăn của thị trường tấm lợp vì lo ngại chất amiăng là nguyên liệu chính có trong tấm lợp, thêm nữa là do thị trường ngày càng có nhiều sản phẩm thay thế như tôn mạ, ngói màu,... làm cho các đơn hàng trở nên khan hiếm hơn.



Cơ cấu chi phí

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	%Tăng giảm
Chi phí tài chính	55.236	48.526	-12,15%
Chi phí bán hàng	890	661	-25,78%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.429	7.130	-31,63%
Tổng cộng	67.027	56.953	-15,03%



Chi phí tài chính năm 2019 là 48,5 tỷ đồng, giảm 12,15% so với năm 2018. Năm 2019, chi phí bán hàng đạt mức 661 tỷ đồng, giảm 25,78% so với năm 2018. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm 31,63% so với cùng kỳ, đạt mức 7,1 tỷ đồng. Công tác quản trị chi phí hoạt động vẫn được Công ty chú trọng trong năm qua. Hiệu quả sử dụng tài sản, máy móc hoạt động nhận được sự chú tâm của Ban lãnh đạo. Chính vì vậy lợi nhuận của Công ty trong năm 2019 tiếp tục khởi sắc với mức 6,6 tỷ đồng, đây là con số hết sức ấn tượng, nhờ có sự đoàn kết và nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV, sự ủng hộ, tin dùng của khách hàng DONAC.

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Tài sản ngắn hạn	97.629	176.154
Tài sản dài hạn	591.331	554.995
Tổng tài sản	688.960	731.150
Nợ ngắn hạn	381.217	576.774
Nợ dài hạn	466.934	306.934
Tổng nợ	848.150	883.708

Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do tăng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng. Các khoản mục này tăng 80,43% so với năm trước, sự sụt tăng mạnh này đến từ việc bán hàng cho bên liên quan là Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh. Tài sản có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn do tài sản dài hạn giảm trong năm. Tuy nhiên, nhìn chung tài sản ngắn dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tài sản.

Tại ngày 31/12/2019, tổng nợ của Công ty là 883,7 tỷ đồng, tăng 4,19% so với năm 2018. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 51,3% và nợ dài hạn giảm 34,27% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu khiến nợ ngắn hạn tăng là do các khoản vay ngắn hạn đến hạn phải trả và tăng các khoản thuế phải nộp Nhà Nước. Đối với các khoản vay dài hạn, Công ty đã giảm thanh toán dần các khoản vay đến hạn để giảm bớt gánh nặng chi phí lãi vay. Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao do Công ty chủ yếu vay nợ để tài trợ vốn lưu động.



ĐẠT **6,6** tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

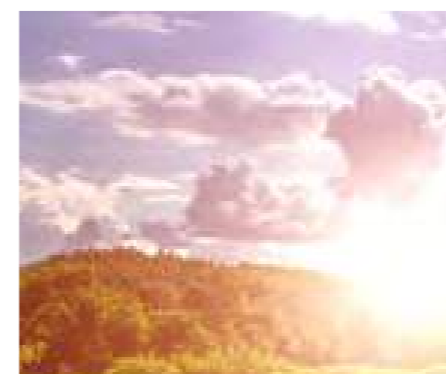
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch năm 2020
Sản xuất			
- Tấm lợp	m ²	2.044.912	2.500.000
- Xi măng	Tấn	769.467	972.000 (*)
Tiêu thụ			
- Tấm lợp	m ²	2.416.537	2.500.000
- Xi măng	Tấn	769.467	972.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	Tỷ đồng	364	415,45
EBITDA	Tỷ đồng	54,61	60,88
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,63	13,72

(*) Trong đó, xi măng dùng cho sản xuất tấm lợp là 17.000 tấn

Các công tác trọng tâm

Để hoàn thành được các chỉ tiêu cho năm 2020, Ban lãnh đạo Công ty đã đặt ra một số mục tiêu định hướng cho hoạt động năm sau, bao gồm:

- Năm 2020, định hướng hoạt động chính vẫn là gia công xi măng, ổn định sản xuất, duy trì và tăng thêm tỷ trọng thị trường;
- Đảm bảo nguồn lực lao động (tăng cường các biện pháp phúc lợi như hỗ trợ nhà trọ, hỗ trợ xăng xe, hỗ trợ cơm trưa, ...);
- Linh hoạt trong công tác bán hàng, nỗ lực tạo ra sản phẩm phù hợp với yêu cầu của khách hàng;
- Cải tiến liên tục trong sản xuất, giảm chi phí sản xuất.
- Giám sát 24/24 hoạt động bán hàng, sản xuất để giải quyết nhanh chóng và kịp thời cho nhà phân phối, vận vận...



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2020



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh thực tiễn để ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền, cố gắng tận dụng các cơ hội thị trường và đàm phán với các tổ chức tín dụng để cùng công ty đạt được kết quả như đã nêu tại phần III - Báo cáo Ban Tổng Giám đốc.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn và tình hình cạnh tranh gay gắt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã bị ảnh hưởng khá lớn như đã trình bày tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc. Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá ban lãnh đạo nỗ lực cố gắng để hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 357,5 tỷ đồng;
- Sản lượng sản xuất tấm lợp năm 2019 đạt 2.081.300 m², giảm so với năm 2018 là 1.245.987 m²;
- Sản lượng gia công xi măng năm 2019 đạt 783.257 Tấn, giảm so với năm 2018 là 14.339 tấn;
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 6,6 tỷ đồng, tăng mạnh so mức âm năm 2018.



LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ; ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Điều hành

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019, triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao. Từ đó những kết quả đạt được trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Hội đồng Quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc sẽ góp phần giữ được sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước tìm kiếm và chinh phục các thị trường mới trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn vô vàn khó khăn phức tạp.

Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Tiếp tục duy trì, củng cố và mở rộng phát triển các loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ và có hiệu quả. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ cho công tác vệ sinh, cây xanh, chiếu sáng.

Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ, tổ chức thi công khoa học hợp lý, xây dựng định mức lao động tiên tiến, cơ chế khoán công việc, khoán chi phí

Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hợp lý, gọn nhẹ và có hiệu quả, ổn định đời sống người lao động, thực hiện việc đào tạo và tuyển dụng lao động có trình độ.



Về công tác quản lý

- Duy trì các phiên họp định kỳ 1 quý 1 lần, HĐQT sẽ nghe báo cáo tổng quát về việc thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của công ty, thảo luận và quyết định thông qua các biện pháp, giải quyết các vấn đề phát sinh của công ty.
- Tổ chức các cuộc họp bất thường (nếu có) để giúp các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các thành viên HĐQT thảo luận và thông qua các Nghị quyết, quyết định, trực tiếp tại các phiên họp, hoặc bằng hình thức trao đổi ý kiến sau khi đã nghiên cứu kỹ tài liệu, hồ sơ của công ty.

Về lao động

- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng sản xuất trực tiếp.
- Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực cho phù hợp với quy mô công ty cả về số lượng và chất lượng.
- Xây dựng và duy trì chính sách lương, thưởng... linh hoạt để đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho người lao động, từ đó làm cơ sở cho việc tuyển dụng lao động mới thay thế dần những lao động sản xuất đã lớn tuổi.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất hiện đại, đảm bảo tinh gọn và hiệu quả;
- Tính toán phương án sản xuất kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao; Đảm bảo các sản phẩm đạt chất lượng, đảm bảo kế hoạch giao hàng đáp ứng yêu cầu của khách hàng;
- Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh của Công ty; tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các đơn vị, khách hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh, coi đây là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định tới sự phát triển bền vững của Công ty;
- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân; Nâng cao công tác quản trị khâu quản lý sản xuất, thường xuyên cán bộ quản lý tham dự các lớp đào tạo dài ngày, ngắn ngày để nâng cao công tác quản trị;
- Chú trọng công tác đảm bảo chất lượng, thường xuyên kiểm tra giám sát chặt chẽ từng công đoạn trong quá trình sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm không bị lỗi.

Về thị trường

- Giữ ổn định khách hàng truyền thống với các sản phẩm chất lượng cao phù hợp công nghệ sản xuất của Công ty; tích cực tìm kiếm để mở rộng, đa dạng hóa thị trường để tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tranh thủ ủng hộ của các cơ quan chức năng của các Bộ ngành; Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác để đem lại hiệu quả cao và bền vững.
- Chú trọng công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá và dự báo thị trường nhằm tận dụng cơ hội và hạn chế rủi ro.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“Mang lại giá trị cho xã hội, đảm bảo trách nhiệm đối với môi trường là mục tiêu mà Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng sẽ là nhân tố quyết định giá trị bền vững của Công ty”

Trách nhiệm đối với môi trường

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm của Công ty không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hướng tới hình ảnh của một Công ty thân thiện với môi trường, Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn. Cụ thể:

- Nguyên phụ liệu xuất nhập theo đúng quy trình và sắp xếp bố trí gọn gàng;
- Định kỳ kiểm tra đo đạc môi trường làm việc theo quy định. Hầu hết các mẫu điều đạt ở mức tiêu chuẩn cho phép;
- Sử dụng nước một cách tiết kiệm và hiệu quả. Lượng nước sinh hoạt công ty sử dụng bình quân hàng tháng là 12.000m³;
- Tái chế: sử dụng chất thải làm nguyên liệu cho các quá trình khác, từ đó tạo ra các sản phẩm có thể sử dụng vào mục đích khác;
- Xử lý chất thải: Tác động vào chất thải làm giảm mức độ ảnh hưởng tới môi trường xung quanh như xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom các chất độc hại trước khi thải ra môi trường, áp dụng các biện pháp quản lý để cách ly chất thải.



Trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương

Công ty nhận thức được một trong những yếu tố góp phần vào sự phát triển bền vững là có ý thức và thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng. Trong năm Công ty đã thực hiện hỗ trợ giúp đỡ người dân làm đường trong khu phố. Theo đó, công tác từ thiện xã hội luôn được Công ty quan tâm. Đây là một chủ trương hết sức đúng đắn, được người lao động trong Công ty tích cực hưởng ứng.

Trách nhiệm đối với người lao động

Một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp là nguồn nhân lực. Nhận thức được điều này, Công ty không chỉ chú trọng vào công tác đào tạo mà còn xây dựng các chính sách lương thưởng hợp lý, tạo dựng một môi trường làm việc an toàn, thân thiện và bình đẳng, cụ thể:

- Vào các ngày lễ kỷ niệm lớn như Tết Nguyên Đán, Ngày Lễ chiến thắng và quốc tế lao động 30/04 & 01/05, Ngày Quốc Khánh 02/09, Tết Dương Lịch 01/01, Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 10/03 (Âm Lịch) Công ty đều thực hiện chế độ nghỉ và thưởng cho cán bộ - nhân viên theo đúng quy định.
- Chị em cán bộ - nhân viên nữ sẽ nhận được quà tặng và lời chúc mừng trong các dịp lễ 08/03 và 20/10. Con em của CBNV trong Công ty vào dịp lễ thiếu nhi 01/06 cũng được hưởng những phúc lợi tương ứng.
- Chế độ độc hại, hỗ trợ cơm trưa, hỗ trợ ca đêm, thưởng lễ, tết...
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp.
- Tổ chức các lớp huấn luyện sơ cấp cứu, ATVSLĐ (Mời các cơ quan chuyên trách đến tập huấn)
- Cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp phòng cháy chữa cháy, An toàn lao động.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 (số cũ là 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (84-251) 383 6130
- Fax : (84-251) 383 6023

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 đường Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 03, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Thuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Bà Lê Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Thân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Thân – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thân
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn



Số: 1.0911/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tắm lợi Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi 6.632.596.070 VND, tuy nhiên do lỗ các năm trước nên khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 524.225.748.461 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu 152.557.824.060 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 400.619.470.565 VND. Những điều kiện này cho thấy yếu tố rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hiện nay, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

Trần Bảo Thanh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3154-2020-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.154.484.162	97.629.435.854
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.795.958.783	1.634.636.043
1. Tiền	111	V.1	1.795.958.783	1.634.636.043
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.185.817.293	58.141.499.115
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	147.161.639.683	56.120.198.020
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.958.786.200	1.952.223.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	221.851.410	225.538.095
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(156.460.000)	(156.460.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		25.172.708.086	37.853.300.696
1. Hàng tồn kho	141	V.6	25.172.708.086	37.853.300.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		554.995.381.637	591.330.636.027
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.758.362.900	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.758.362.900	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		551.141.210.782	586.039.542.130
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	544.068.764.709	578.725.389.945
- Nguyên giá	222		1.070.286.922.864	1.069.476.366.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(526.218.158.155)	(490.750.976.815)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	7.072.446.073	7.314.152.185
- Nguyên giá	228		9.667.346.689	9.667.346.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.594.900.616)	(2.353.194.504)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		50.000.000	50.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		50.000.000	50.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.9	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.045.807.955	5.241.093.897
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.045.807.955	5.241.093.897
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		731.149.865.799	688.960.071.881

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		883.707.689.859	848.150.492.011
I. Nợ ngắn hạn	310		576.773.954.727	381.216.756.879
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	42.767.352.644	52.759.128.019
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.354.843.926	37.563.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.196.895.860	283.845.583
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.885.030.038	2.522.562.452
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a, c	291.956.744.460	203.351.069.601
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a, c	234.587.443.338	122.234.443.338
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	25.644.461	28.144.461
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		306.933.735.132	466.933.735.132
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b, c	77.363.908.325	117.363.908.325
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b, c	229.569.826.807	349.569.826.807
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(152.557.824,060)	(159.190.420,130)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(152.557.824,060)	(159.190.420,130)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	272.236.470,000	272.236.470,000
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.236.470,000	272.236.470,000
- Có phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	76.737.250,400	76.737.250,400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	22.694.204,001	22.694.204,001
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(524.225.748,461)	(530.858.344,531)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(530.858.344,531)	(530.858.344,531)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.632.596,070	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		731.149.865,799	688.960.071,881



Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Lê Thân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Yến Như
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1.1	364.272.704,443	394.162.668,550
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.1.2	6.747.311,171	6.751.161,255
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		357.525.393,272	387.411.507,295
4. Giá vốn hàng bán	11	V.1.3	295.124.895,412	323.615.774,637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.400.497,860	63.795.732,658
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		74.336,260	29.564,269
7. Chi phí tài chính	22	V.1.4	48.526.102,596	55.236.219,198
Trong đó: chi phí lãi vay	23		48.526.102,596	55.236.219,198
8. Chi phí bán hàng	25	V.1.5	660.837,647	890.379,498
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.1.6	7.129.777,619	10.428.955,352
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.158.116,258	(2.730.257,121)
11. Thu nhập khác	31	V.1.7	1.110.328,409	2.046.324,025
12. Chi phí khác	32	V.1.8	635.848,597	471.773,894
13. Lợi nhuận khác	40		474.479,812	1.574.550,131
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.632.596,070	(1.155.706,990)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.1.4	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.632.596,070	(1.155.706,990)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.1.9a, b	244	(42)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.1.9a, b	244	(42)



Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Lê Thân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Yến Như
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.632.596.070	(1.155.706.990)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8	35.708.887.452	36.375.725.310
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	48.526.102.596	55.236.219.198
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		90.867.586.118	90.456.237.518
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(92.802.681.078)	8.394.965.645
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.680.592.610	(10.026.396.735)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.876.525.034)	(14.227.311.646)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.195.285.942	4.027.008.351
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16a,b;VI.4	(425.322.600)	(126.107.532)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(2.500.000)	(3.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.636.435.958	78.495.395.601
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 9,12a	(828.113.218)	(2.715.088.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(828.113.218)	(2.715.088.182)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(7.647.000.000)	(79.800.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.647.000.000)	(79.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		161.322.740	(4.019.692.581)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.634.636.043	5,654,328,624
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1,795,958,783	1,634,636,043

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Yến Như
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Lê Thân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tắm lợp và xây lắp; dịch vụ thương mại; khai thác xử lý và cung cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 đường Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 03, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
---	---

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 227 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 269 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa máy nghiền và chi phí xây dựng đường đê. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa máy nghiền

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng đường đê

Chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ từ 02%/năm đến 2,5%/năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan, được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	357.070.305	145.451.014
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.438.888.478	1.489.185.029
Cộng	<u>1.795.958.783</u>	<u>1.634.636.043</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bên liên quan	<u>145.535.232.880</u>	<u>52.821.776.323</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	145.535.232.880	52.821.776.323
Phải thu các khách hàng khác	<u>1.626.406.803</u>	<u>3.298.421.697</u>
DNTN Quang Bình Minh	-	2.208.587.348
Các khách hàng khác	1.626.406.803	1.089.834.349
Cộng	<u>147.161.639.683</u>	<u>56.120.198.020</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Hữu Thành	1.200.000.000	1.200.000.000
Các nhà cung cấp khác	758.786.200	752.223.000
Cộng	1.958.786.200	1.952.223.000

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	157.815.168	-	164.091.979	-
Ký quỹ	31.300.000	-	31.300.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	32.736.242	-	30.146.116	-
Cộng	221.851.410	-	225.538.095	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

5. Nợ quá hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Dưới 06 tháng	68.273.162.007	Dưới 06 tháng	27.995.547.284
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu khách hàng khác	Dưới 06 tháng	267.923.938	Dưới 06 tháng	178.369.607
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	236.363.636	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	219.450.033
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	43.636.364	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	460.745.937
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	140.745.941	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	29.748.373
	Trên 03 năm	35.508.378		
Các khoản trả trước cho người bán khác	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	191.810.000
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	123.810.000	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	824.000.000
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	680.000.000	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	779.953.000
	Trên 03 năm	936.413.000	Trên 03 năm	156.460.000
Các khoản phải thu khác	Trên 03 năm	28.930.049	Trên 03 năm	30.146.116
Cộng		70.766.493.313		30.866.230.350

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	156.460.000	156.460.000
Số cuối năm	156.460.000	156.460.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.581.851.731	-	20.775.698.376	-
Công cụ, dụng cụ	146.226.989	-	238.428.374	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.593.715	-	25.593.714	-
Thành phẩm	8.419.035.651	-	16.813.580.232	-
Cộng	25.172.708.086	-	37.853.300.696	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	490.557.295.807	523.872.628.850	50.534.604.642	4.511.837.461	1.069.476.366.760
Mua trong năm	327.756.104	427.850.000	-	54.950.000	810.556.104
Số cuối năm	490.885.051.911	524.300.478.850	50.534.604.642	4.566.787.461	1.070.286.922.864
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.832.243.918	73.890.746.569	32.197.547.237	3.380.555.733	131.301.093.457
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	173.262.496.168	272.799.081.312	40.548.777.356	4.140.621.979	490.750.976.815
Khấu hao trong năm	12.506.784.674	20.689.218.697	2.073.712.586	197.465.383	35.467.181.340
Số cuối năm	185.769.280.842	293.488.300.009	42.622.489.942	4.338.087.362	526.218.158.155
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	317.294.799.639	251.073.547.538	9.985.827.286	371.215.482	578.725.389.945
Số cuối năm	305.115.771.069	230.812.178.841	7.912.114.700	228.700.099	544.068.764.709
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 465.726.592.768 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	548.702.660	9.667.346.689
Số cuối năm	9.118.644.029	548.702.660	9.667.346.689
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	507.502.660	507.502.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.841.571.842	511.622.662	2.353.194.504
Khấu hao trong năm	233.466.108	8.240.004	241.706.112
Số cuối năm	2.075.037.950	519.862.666	2.594.900.616

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.277.072.187	37.079.998	7.314.152.185
Số cuối năm	7.043.606.079	28.839.994	7.072.446.073
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Các khoản đầu tư tài chính

Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp 10%.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	90.000.000.000	90.000.000.000
Số cuối năm	90.000.000.000	90.000.000.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa máy nghiền	-	2.154.324.937
Chi phí xây dựng tuyến đường đê lạt Khu công nghiệp Ông Kèo	2.045.807.955	3.068.769.952
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	-	17.999.008
Cộng	2.045.807.955	5.241.093.897

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 253.401.426.299 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2015	85.699.698.547
Năm 2016	47.994.955.723
Năm 2017	119.706.772.029
Cộng	253.401.426.299

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	* Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	11.913.507.182
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	-	11.913.507.182
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	42.767.352.644	40.845.620.837
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	-	4.597.560.000
Công ty TNHH Khoáng sản Hiệp Lực	9.071.268.892	5.850.073.310
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	4.832.100.000	4.832.100.000
Các nhà cung cấp khác	28.863.983.752	25.565.887.527
Cộng	42.767.352.644	52.759.128.019

Trong đó, khoản phải trả về mua sắm tài sản cố định cuối năm là 577.790.000 VND (số đầu năm là 595.347.114 VND).

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Astrade Solution LP	430.506.459	2.180.256.407
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	4.832.100.000	4.832.100.000
Các nhà cung cấp khác	1.256.064.897	1.561.700.297
Cộng	6.518.671.356	8.574.056.704

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Xuất nhập khẩu Quang Bình Minh	1.304.902.537	-
Các khách hàng khác	49.941.389	37.563.425
Cộng	1.354.843.926	37.563.425

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Được hoàn trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	250.245.973	13.498.264.094	(10.569.008.729)	-	3.179.501.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.445.874	96.404.464	(62.043.586)	(49.394.766)	4.411.986
Thuế tài nguyên	14.153.736	179.405.904	(180.577.104)	-	12.982.536
Thuế nhà đất	-	8.544.000	(8.544.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	283.845.583	13.787.618.462	(10.825.173.419)	(49.394.766)	3.196.895.860

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước: 5%
- Tầm lợp, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu: 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.632.596.070	(1.155.706.990)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	922.893.865	1.595.738.191
Thu nhập chịu thuế	7.555.489.935	440.031.201
Lỗi các năm trước được chuyển	(7.555.489.935)	(440.031.201)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt dùng cho mục đích khác: 3%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho mục đích khác: 8%

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với:

- Diện tích 356 m² đất đang sử dụng tại phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức 24.000 VND/m²/năm theo quy định tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đơn giá thu tiền thuê đất để xây dựng Trạm bơm nước tại phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Diện tích 90.024,6 m² đang sử dụng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 với giá thuê 7.858 VND/m²/năm (đơn giá này được áp dụng cho thời gian thuê từ 01 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2012). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và 13 phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	39.199.705	39.309.160
Cổ tức phải trả	27.263.285.675	27.263.285.675
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - lãi vay phải trả	263.766.547.150	175.665.767.154
Các khoản nhận ký quỹ	69.020.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	818.691.930	382.707.612
Cộng	291.956.744.460	203.351.069.601

16b. Phải trả dài hạn khác

Khoản lãi vay phải trả ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Khoản lãi vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 223.766.547.150 VND đã quá hạn chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	122.234.443.338
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	120.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(7.647.000.000)
Số cuối năm	234.587.443.338

17b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thành ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được thay đổi theo chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	234.587.443.338	122.234.443.338
Trên 1 năm đến 5 năm	229.569.826.807	349.569.826.807
Cộng	464.157.270.145	471.804.270.145

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	349.569.826.807
Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả sang dài hạn	(120.000.000.000)
Số cuối năm	229.569.826.807

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Khoản gốc vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 114.587.443.338 VND đã quá hạn chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	28.144.461	31.144.461
Chi quỹ trong năm	(2.500.000)	(3.000.000)
Số cuối năm	25.644.461	28.144.461

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(529.702.637.541)	(158.034.713.140)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(1.155.706.990)	(1.155.706.990)
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(530.858.344.531)	(159.190.420.130)
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(530.858.344.531)	(159.190.420.130)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	6.632.596.070	6.632.596.070
Số dư cuối năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(524.225.748.461)	(152.557.824.060)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	34.023.660.000	34.023.660.000
Ông Nguyễn Công Lý	57.200.000.000	57.200.000.000
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	37.148.600.000	37.148.600.000
Các cổ đông khác	143.864.210.000	143.864.210.000
Cộng	272.236.470.000	272.236.470.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.796.710.967	1.816.264.310
Trên 1 năm đến 5 năm	7.186.843.867	7.265.057.239
Trên 5 năm	48.037.064.043	50.401.334.597
Cộng	57.020.618.877	59.482.656.146

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 được Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051.

20b. Tài sản nhận giữ hộ

Vật tư nhận gia công của Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh như sau:

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Clinker	Tấn	7.412,37	1.357,11
Vỏ bao xi măng	Cái	482.973	269.459

20c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	44,02	44,02
Euro (EUR)	374,30	374,30

20d. Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ phải thu khách hàng với số tiền là 595.460.608 VND (năm trước là 595.460.608 VND) đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán tấm lợp	80.234.256.950	88.354.239.400
Doanh thu gia công xi măng	254.331.034.770	267.653.075.355
Doanh thu bán thành phẩm khác	26.526.607.969	36.510.637.546
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.180.804.754	1.644.716.249
Cộng	364.272.704.443	394.162.668.550

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Gia công xi măng	254.331.034.770	267.653.075.355
Vận chuyển xi măng	1.288.074.108	-

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của tấm lợp đã bán	53.459.764.799	63.978.481.921
Giá vốn gia công xi măng	214.940.973.127	222.913.088.765
Giá vốn bán thành phẩm khác	25.911.370.958	36.724.203.951
Giá vốn dịch vụ khác	- 812.786.528	-
Cộng	295.124.895.412	323.615.774.637

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	473.238.450	626.295.350
Chi phí vật liệu, bao bì	71.998.575	96.431.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.327.628	59.327.628
Các chi phí khác	56.272.994	108.324.692
Cộng	660.837.647	890.379.498

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.802.784.949	4.919.316.069
Chi phí vật liệu, bao bì	193.673.430	703.797.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	487.589.649	515.517.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.818.370	757.635.832
Các chi phí khác	1.987.237.221	3.460.668.952
- Chi trợ cấp thôi việc	204.045.250	1.733.900.946
- Chi phí khác	1.757.865.971	1.798.787.686
Cộng	7.129.777.619	10.428.955.352

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, thuê xe	527.049.252	319.338.051
Thu nhập từ hoạt động cấp cảng	523.455.862	865.033.500
Xử lý chênh lệch kiểm kê	-	701.920.088
Thu nhập khác	59.823.295	160.032.386
Cộng	1.110.328.409	2.046.324.025

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hành chính	570.312.826	448.089.713
Chi phí khác	65.535.771	23.684.181
Cộng	635.848.597	471.773.894

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.632.596.070	(1.155.706.990)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.632.596.070	(1.155.706.990)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	244	(42)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.928.974.905	156.595.622.938
Chi phí nhân công	24.047.301.973	28.278.669.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.708.887.452	36.375.725.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.365.402.725	84.986.922.668
Chi phí khác	3.420.645.600	6.019.828.372
Cộng	268.471.212.655	312.256.768.457

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	588.036.164	573.610.000
Thù lao và các khoản khác	42.000.000	62.000.000
Cộng	630.036.164	635.610.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh là công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Giao dịch với bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên vật liệu và thành phẩm	35.973.866.810	49.259.697.349
Mua xi măng	13.615.663.651	272.390.910

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp.
- Lĩnh vực sản xuất xi măng: sản xuất và gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển, cho thuê kho

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực sản xuất xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	74.372.002.589	254.331.034.770	28.822.355.913	357.525.393.272
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.372.002.589	254.331.034.770	28.822.355.913	357.525.393.272
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.500.983.541	36.070.028.254	2.038.870.799	54.609.882.594
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				54.609.882.594
Doanh thu hoạt động tài chính				74.336.260
Chi phí tài chính				(48.526.102.596)
Thu nhập khác				1.110.328.409
Chi phí khác				(635.848.597)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực sản xuất xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				6.632.596.070
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	549.067.250	261.488.854	810.556.104
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.041.057.552	37.544.692.227	318.384.943	38.904.134.722
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	81.603.078.145	267.653.075.355	38.155.353.795	387.411.507.295
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.603.078.145	267.653.075.355	38.155.353.795	387.411.507.295
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.725.363.260	42.851.510.673	899.523.875	52.476.397.808
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				52.476.397.808
Doanh thu hoạt động tài chính				29.564.269
Chi phí tài chính				(55.236.219.198)
Thu nhập khác				2.046.324.025
Chi phí khác				(471.773.894)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.155.706.990)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	2.490.909.091	670.146.195	3.161.055.286
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.127.966.175	39.086.120.043	319.214.462	40.533.300.680
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản phẩm tấm lợp	Sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	17.625.166.127	708.730.843.911	2.947.896.978	729.303.907.016
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				- 1.845.958.783
Tổng tài sản				731.149.865.799
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.041.876.113	847.019.226.247	31.262.288	852.092.364.648
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				31.615.325.211
Tổng nợ phải trả				883.707.689.859
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	32.065.120.286	650.399.723.570	4.810.591.982	687.275.435.838
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				- 1.684.636.043
Tổng tài sản				688.960.071.881
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.279.442.587	808.746.706.148	37.563.425	816.063.712.160
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.086.779.851
Tổng nợ phải trả				848.150.492.011

1a. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoạt động kinh doanh của Công ty đã có lợi nhuận 6.632.596.070 VND. Tuy nhiên khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 524.225.748.461 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu số tiền là 152.557.824.060 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 400.619.470.565 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty sẽ có lãi bằng việc đẩy mạnh tiêu thụ tấm lợp và tiếp tục tập trung vào sản xuất hơn một triệu tấn xi măng do Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh bao tiêu. Đồng thời, Công ty đang làm việc với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để cơ cấu lại nợ vay và lịch trả nợ. Theo đó các khoản vay và lãi vay sẽ được gia hạn thời gian trả nhằm giảm áp lực trả nợ vay của Công ty trong thời gian ngắn hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Yến Như
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Lê Thân
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẮM LỢP -
VẬT LIỆU
XÂY DỰNG**

Digitally signed by Lê Thân, DN: c=VN, ou=CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI, o=CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI, cn=Lê Thân

Ban thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Đồng Nai, ngày 16 tháng 06 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HOÀ - T. ĐỒNG NAI

Lê Thân